TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÈO VẠC** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2019/QĐST-HNGĐ	*Mèo Vạc, ngày 11 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Thèn Hữu L, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ C thị trấn A, huyện B, tỉnh Hà Giang;

2. Bị đơn: Chị Thào Thị H, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Tổ C thị trấn A, huyện B, tỉnh Hà Giang;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT chi nhánh huyện A, tỉnh Hà Giang,

Địa chỉ trụ sở tại: Tổ D thị trấn A, huyện B, tỉnh Hà Giang; Không cử đại diện tham gia, Ngân hàng có công văn đề nghị không tham gia tố tụng Tòa án.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2019

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Thèn Hữu L và chị Thào Thị H

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Thèn Hữu L và chị Thào Thị H thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh chị tự thỏa thuận thống nhất: Sau khi ly hôn, chị Thào Thị H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Thèn Bảo H, sinh ngày 29/01/2003 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung

cho chị H mỗi tháng là 300.000đồng/tháng, bắt đầu từ ngày 01/6/2019, phương thức cấp dưỡng một tháng một lần.

Việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định;

Anh Thèn Hữu L được đi lại thăm nom, chăm sóc con Thèn Bảo H, chị Thào Thị H không được ngăn cản.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Đồ dùng tư trang cá nhân của ai khác lấy sử dụng.

Về công nợ chung vợ chồng: Anh Thèn Hữu L và chị Thào Thị H tự thống nhất thỏa thuận và được Ngân hàng Nông nghiệp&PTNT chi nhánh huyện A có ý kiến nhất trí theo thỏa thuận của anh chị, cụ thể: Chị Thào Thị H tự có trách nhiệm trả toàn bộ khoản tiền nợ gốc và lãi vay tại ngân hàng Nông nghiệp&PTNT chi nhánh huyện A, tỉnh Hà Giang, theo hợp đồng tín dụng số 8203-LAV-201700204, ngày 24/02/2017, đứng tên người vay là chị Thào Thị Hạ.

Án phí: Áp dụng khoản 3, 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5, khoảng 6 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Về án phí HNGĐ-ST: Anh Thèn Hữu L tự nguyện nộp toàn bộ án phí HNGĐ-ST là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Về án phí DSST: Anh Thèn Hữu L phải chịu án phí dân sự đối với nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ là: 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Thèn Hữu L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai số: 03443 ngày 09/4/2019 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;

THẨM PHÁN

- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Văn Nhì